TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

-***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Phương N; ĐKHKTT: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại: Số 111 T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh C; cư trú tại: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Phương N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh C kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại gia đình anh C ở thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C nghiện ma túy đá về nhà còn đánh đập chị. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia

đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại số 111 T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng sống từ tháng 8 năm 2015. Từ đó, hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm và có trách nhiệm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã nghiêm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân, hai bên không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh C có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Minh C không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Minh C:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Minh C đến Toà án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Phương N song anh C đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: cho chị Nguyễn Phương N được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013 cho chị Nguyễn Phương N nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Minh C cho chị Nguyễn Phương N.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Minh C: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã giao và gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy báo và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Chiến theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Minh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Phương N về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên va chạm, bất hòa, không có hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh C nghiện ma túy đá về nhà đánh đập chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần báo anh C đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa chị N và anh C. Tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ. Bản thân chị N xác định anh không còn tình cảm vợ chồng, sự tin tưởng, gắn bó với anh C và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Phương N và anh Nguyễn Minh C kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh C là có cơ sở cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Phương N được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Phương N và anh Nguyễn Minh C có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án chị N có quan điểm từ khi ly thân con chung đều do chị nuôi dưỡng nên tiếp tục giao con chung Nguyễn Hoàng A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh Nguyễn Minh C không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm của anh C về con chung. Xét quan điểm của chị Ni đưa ra là tự nguyện, phù hợp nên giao con chung Nguyễn Hoàng A cho chị Nguyễn Phương N nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Minh C cho chị Nguyễn Phương N. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác

[4] Về tài sản chung*:* Chị Nguyễn Phương N xác định trong quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Minh C không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết còn anh Nguyễn Minh C không có quan điểm gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung sau này nếu hai bên có tranh chấp Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Phương N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 70, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phương N được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013 cho chị Nguyễn Phương N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Minh C cho chị Nguyễn Phương N. Khi nào chị N có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 25 tháng 8 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Phương N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị Nguyễn Phương N đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0015074 ngày 11 tháng 4 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND phường T, quận K (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi